

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2024

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Văn Hoàn.

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 211/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 14/6/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng X, sinh năm 1983 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng X trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn T do quen biết nhau, tìm hiểu khoảng hơn 01 năm thì kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 1 ngày 25/6/2002. Sau khi kết

hôn chúng tôi làm nhà riêng sinh sống ở quê chồng tại xã M. Thời gian đầu chúng tôi sống hạnh phúc đến tháng 4/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ăn chơi, cờ bạc gây nợ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tôi có khuyên anh T thay đổi nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng tôi ly thân từ tháng 4/2022 đến nay chúng tôi chỉ liên lạc khi có vấn đề liên quan đến các con, còn vấn đề tình cảm thì không còn liên lạc với nhau, chúng tôi không hòa giải gì được với nhau từ tháng 4/2022 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Văn Duy T1, sinh ngày 10/4/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 25/5/2014. Ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị X có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị X.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo đơn khởi kiện, chị X yêu cầu được ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị X và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29, quyển số 1, ngày 25/6/2002 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị X trình bày mâu thuẫn vợ chồng chị bắt đầu phát sinh từ tháng 4/2022, do anh T ăn chơi, cờ bạc gây nợ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị có khuyên anh T thay đổi nhưng anh T không thay đổi. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 4/2022 đến nay.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị X và anh T đã phát sinh trong thời gian dài, chị X và anh T ly thân từ tháng 4/2022 đến nay, anh chị cũng không còn liên lạc gì với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án chị X giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Anh T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Điều đó chứng tỏ anh T đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình” nhưng anh T và chị X không còn quan tâm, tin tưởng nhau, không cùng nhau chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nên mâu thuẫn gia đình giữa chị X và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị X và anh T có hai con chung là cháu Nguyễn Văn Duy T1, sinh ngày 10/4/2003 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và cháu Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 25/5/2014. Từ lúc vợ chồng chị X ly thân đến nay cháu T2 do chị X trực tiếp nuôi dưỡng và tại bản tự khai cháu T2 cũng có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với chị X. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu T2, cần tiếp tục giao cháu T2 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng X.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng X được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh ngày 25/5/2014 cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị X chưa yêu cầu.

Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai thu số 0002607 ngày 24/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị X đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo và nội dung khác: Anh T, chị X được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;

- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã Nhị Mỹ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Giang